

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Thị Ngọc	Thảo	3671040113	01/10/1993	5,80	6,30	6,10	
2	Lê Minh	Hoàng	3671040657	16/12/1994	1,80	4,50	3,70	
3	Nguyễn Trần	Văn	3671040658	12/09/1994	5,80	,00	1,70	
4	Hà Minh	Tuấn	3671040660	12/03/1993	2,00	9,50	7,30	
5	Phạm Qui	Tông	3671040683	04/10/1993	7,80	3,80	5,00	
6	Trần	Tuấn	3671040684	02/02/1994	,00	,00	,00	CT
7	Nguyễn Văn	Hải	3671040710	18/03/1993	4,50	3,00	3,50	
8	Đoàn Lập	Công	3671040718	16/07/1993	4,80	4,50	4,60	
9	Nguyễn Duy	Cương	3671040732	27/08/1994	3,80	5,80	5,20	
10	Nguyễn Kim	Trọng	3671040745	01/10/1994	6,90	6,80	6,80	
11	Nguyễn Anh	Tuấn	3671040746	20/08/1994	1,50	4,30	3,50	
12	Vũ Xuân	An	3671040754	06/01/1994	4,00	,00	1,20	
13	Huỳnh	Rin	3671040767	17/03/1993	5,80	5,00	5,20	
14	Nguyễn Đức	Phương	3671040770	28/02/1993	3,30	5,30	4,70	
15	Đoàn Công	Tuấn	3671040773	24/08/1994	7,80	6,30	6,70	
16	Võ Văn	Mừng	3671040779	29/09/1994	4,80	5,00	4,90	
17	Nguyễn Văn	Ngân	3671040791	11/07/1994	4,30	2,00	2,70	
18	Võ Trường	Sinh	3671040796	01/04/1994	3,80	6,80	5,90	
19	Trương Lưu Trường	Giang	3671040803	07/02/1994	,00	,00	,00	CT
20	Huỳnh An	Khang	3671040817	08/07/1994	3,80	6,80	5,90	
21	Đỗ Minh	Hoà	3671040881	02/01/1994	2,50	6,80	5,50	
22	Lê Bùi Duy	Tân	3671040884	03/02/1993	6,00	,00	1,80	
23	Phạm Tuấn	Anh	3671040897	25/08/1994	6,50	5,50	5,80	
24	Nguyễn Tiến	Hải	3671040901	28/03/1994	4,00	4,50	4,40	
25	Hà Thanh	Thời	3671040907	06/06/1993	4,80	4,50	4,60	
26	Tổng Văn	Linh	3671040910	10/09/1993	2,00	4,00	3,40	
27	Dương Thanh	Minh	3671040934	29/11/1994	5,80	6,50	6,30	
28	Nguyễn Anh	Việt	3671040950	25/12/1993	4,30	7,00	6,20	
29	Nguyễn Xuân	Diệu	3671040965	20/04/1994	2,80	6,30	5,20	
30	Phan Thế	Mạnh	3671040975	11/06/1993	2,30	6,50	5,20	
31	Bùi Tuấn	Nhon	3671040995	10/05/1993	3,50	,30	1,30	
32	Huỳnh Duy	Nhất	3671040999	10/02/1993	1,50	7,50	5,70	
33	Đoàn Tuấn	Khải	3671041003	17/05/1994	1,50	6,30	4,90	
34	Nguyễn Tú	Đông	3671041006	11/10/1994	2,80	5,80	4,90	
35	Lê Trần Anh	Nhật	3671041010	05/05/1994	,00	,00	,00	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Ngọc	Tĩnh	3671041018	20/01/1993	,00	,00	,00	CT
37	Lê Công	Đức	3671041035	06/11/1994	2,00	7,00	5,50	
38	Lê Thọ	Quý	3671041036	1994	5,80	6,50	6,30	
39	Nguyễn Trường	Kỳ	3671041047	22/04/1993	,00	,00	,00	CT
40	Lê Văn	Phú	3671041073	14/08/1994	,00	,00	,00	CT
41	Nguyễn Văn	Túc	3671041078	1994	3,80	3,30	3,40	
42	Bùi Tuấn	Kiệt	3671041079	07/11/1994	4,50	1,00	2,10	
43	Nguyễn Văn	Khoa	3671041080	12/12/1994	4,80	5,00	4,90	
44	Đặng Thái	Hòa	3671041087	01/06/1994	8,00	5,50	6,30	
45	Nguyễn Đức	Kiên	3671041100	14/02/1991	,00	,00	,00	CT
46	Đàng Thiên	Tấn	3671041103	05/08/1992	3,00	5,50	4,80	
47	Nguyễn Trọng	Toàn	3671041106	17/01/1994	2,30	5,00	4,20	
48	Huỳnh Tấn	An	3671041107	12/10/1993	3,30	6,80	5,70	
49	Nguyễn Đình	Công	3671041109	10/02/1994	,00	,00	,00	CT
50	Phạm Thanh	Danh	3671041123	01/11/1994	,00	,00	,00	CT
51	Trần Quang	Dũng	3671041132	27/12/1993	5,00	4,00	4,30	
52	Nguyễn Thành	Trọng	3671041139	02/07/1994	1,00	6,50	4,90	
53	Nguyễn Khánh	Duy	3671041140	13/04/1994	,50	,00	,20	
54	Nguyễn Văn	Hậu	3671041141	10/07/1994	1,80	,00	,50	
55	Nguyễn Vũ	Linh	3671041144	12/08/1994	4,80	5,50	5,30	
56	Võ Văn	Thạch	3671041148	14/03/1994	,00	,00	,00	CT
57	Nguyễn Thanh	Phương	3671041155	17/06/1993	7,00	,00	2,10	
58	Trịnh Huỳnh Quốc	Khánh	3671041167	02/09/1994	,00	,00	,00	CT
59	Đồng Anh	Khoa	3671041170	09/03/1992	3,80	5,50	5,00	
60	Nguyễn Quang	Hiếu	3671041173	28/03/1994	3,30	2,00	2,40	
61	Nguyễn Công	Danh	3671041178	23/08/1993	2,30	4,00	3,50	
62	Lê Chiến	Thắng	3671041180	26/11/1994	1,80	,00	,50	
63	Nguyễn Hữu	Toàn	3671041192	04/08/1993	6,00	6,50	6,40	
64	Đồng Văn	Hiền	3671041197	11/03/1994	1,00	1,00	1,00	
65	Phan Sỹ	Tú	3671041202	28/02/1994	3,00	6,00	5,10	
66	Nguyễn Hồng	Toàn	3671041208	26/11/1992	1,00	5,30	4,00	
67	Bùi Quang	Nhã	3671041209	20/07/1994	4,30	7,00	6,20	
68	Kiều Phi	Long	3671041213	10/11/1994	3,50	7,00	6,00	
69	Trần Khánh	Minh	3671041218	31/10/1994	,00	,00	,00	CT
70	Nguyễn Văn	Nghĩa	3671041244	15/02/1993	,50	,00	,20	
71	Phan Anh	Đoàn	3671041263	10/06/1994	3,00	4,00	3,70	
72	Lê Minh	Tân	3671041293	26/07/1994	2,50	3,80	3,40	
73	Vi Văn	Hường	3671041457	09/02/1989	1,30	,00	,40	CT
74	Trần Đức	Khánh	3671041460	10/05/1994	,30	5,00	3,60	
75	Nguyễn Trung	Hiếu	3671041475	11/11/1994	2,80	1,80	2,10	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Hoàng Văn	Đức	3671041496	13/06/1994	7,50	5,50	6,10	
77	Trần Văn	Nam	3671041519	31/08/1994	3,00	7,00	5,80	
78	Châu Hoàng	Tuấn	3671041520	02/10/1993	1,80	,00	,50	
79	Lê Hoàng	Được	3671041950	25/03/1994	5,30	6,30	6,00	
80	Đặng Trọng	Quân	3671041966	14/09/1993	3,80	4,00	3,90	
81	Trần Quốc	Bảo	3671041967	14/08/1994	,50	3,30	2,50	
82	Ngô Hữu Thiên	Phương	3671041984	04/12/1994	1,30	5,50	4,20	
83	Nguyễn Đình	Huy	3671041990	06/11/1994	,00	,00	,00	CT
84	Nguyễn Phúc	Hậu	3671041994	21/06/1994	4,30	6,00	5,50	
85	Lê Hùng	Anh	3671042011	20/12/1994	2,00	3,30	2,90	
86	Phạm Văn	Pháp	3671042012	15/10/1993	7,00	7,30	7,20	
87	Trần Công	Đức	3671042044	04/04/1994	,00	,00	,00	CT
88	Lê Văn	Tiến	3671042048	28/01/1993	4,30	5,50	5,10	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)